

Số: 134/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 4188/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 01 (một) phân bón lưu hành tại Việt Nam (Danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP

Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3825 6258

Mã số doanh nghiệp: 0303165480

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2025 đến ngày 21 tháng 02 năm 2030.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: QLPB.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nghiêm Quang Tuấn

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
CỦA TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-BVTV-PB ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân bón hữu cơ	HỮU CƠ PHÚ MỸ ORGANIC 62-PLUS	31919	Chất hữu cơ: 62%; Đạm tổng số (N _{ts}): 2%; Lân hữu hiệu (P ₂ O _{5hh}): 2%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 2%; Axit humic (C): 1%; Tỷ lệ C/N: 12; pH _{H2O} : 5; Độ ẩm: 25%.	Bón rãnh	1. Cây lương thực (lúa, ngô/bắp, khoai lang, khoai tây, sắn/khoai mì): 500 - 1.000 kg/ha/vụ, tương đương 25 - 50 kg/sào (500 m ²)/vụ hoặc 18 - 36 kg/sào (360 m ²)/vụ, bón lót 1 lần trước khi gieo/trồng. 2. Cây công nghiệp ngắn ngày (mía, lạc/đậu phộng, vừng/mè, đậu tương/đậu nành, đậu xanh): 500 - 1.000 kg/ha/vụ, tương đương 25 - 50 kg/sào (500 m ²)/vụ hoặc 18 - 36 kg/sào (360 m ²)/vụ, bón lót 1 lần trước khi gieo/trồng. 3. Cây công nghiệp dài ngày (cà phê, cao su, tiêu, điều, ca cao, dứa, chè/trà): 1.500 - 2.000 kg/ha/năm, bón 1 - 2 lần sau khi thu hoạch và/hoặc đầu mùa mưa. 4. Cây ăn quả/trái (cam, chanh, chanh dây, quýt, bưởi, mít, xoài, nhãn, vải, táo, chôm chôm, sầu riêng, ôi, thanh long, nho, bơ, na/mãng cầu ta, dứa, chuối): 1.500 - 2.000 kg/ha/năm, bón 1 lần trước khi trồng hoặc sau khi thu hoạch. 5. Cây rau (rau cải, xà lách, cải bắp, su hào, cà chua, dưa lưới, dưa gang, dưa hấu, dưa chuột/dưa leo, bầu, bí, hành, tỏi, ớt): 500 - 1.000 kg/ha/vụ, tương đương 25 - 50 kg/sào (500 m ²)/vụ hoặc 18 - 36 kg/sào (360 m ²)/vụ, bón lót 1 lần trước khi gieo/trồng.	36 tháng kể từ ngày sản xuất